

**KẾT HỢP ĐỒNG THỜI PHỔ CẬP VĂN HÓA VỚI PHỔ CẬP
NGHỀ LÀ GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ
NGUỒN NHÂN LỰC NGƯỜI DÂN TỘC KHMER
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**
**COMBINATION OF CULTURAL AND VOCATIONAL TRAINING
AS AN ECONOMICAL SOLUTION TO
IMPROVING THE HUMAN RESOURCES LEVEL
AMONG KHMER PEOPLE IN THE MEKONG DELTA**

**PGS-TS Phùng Rân
TS Đỗ Mạnh Cường**

TÓM TẮT

Chất lượng nguồn nhân lực có tác động quyết định đến tốc độ phát triển của một quốc gia, một địa phương, một dân tộc.

Chất lượng của nguồn nhân lực chủ yếu thể hiện trình độ văn hóa và trình độ nghề nghiệp của cộng đồng. Vùng đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa của cả nước và là khu vực tập trung nhiều dân tộc làm ăn sinh sống từ lâu đời, trong đó dân tộc Khmer chiếm tỉ lệ khá lớn (1/5 dân số của khu vực).

Nhìn chung đời sống của người Khmer còn gặp rất nhiều khó khăn, và càng khó khăn hơn trong bối cảnh hội nhập quốc tế, trong cơ chế thị trường và trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của các tỉnh.

Qua phân tích thực tế chúng tôi thấy: nguyên nhân cơ bản của những khó khăn trên là sự thấp kém về trình độ văn hóa, trình độ nghề nghiệp. Vì vậy chăm lo việc nâng cao trình độ văn hóa, trình độ nghề nghiệp cho người Khmer được coi là giải pháp căn cơ để phát huy và phát triển nguồn nhân lực đầy tiềm năng này.

ABSTRACT

Human resources quality has a decisive impact on the development rate of a nation, a local, and a country.

Human resources quality chiefly reflects the cultural and professional level of a community. The Mekong Delta is the granary of the whole country and is a region with a long existence of different peoples where the Khmer ethnics take a fairly high proportion (1/5 population of the whole region).

Generally speaking, the life of Khmer people is still very difficult, the more so in the present context of international integration, of the market structures and the shift process of economic and labor structures of the provinces.

Reality analysis has shown that the basic reasons for these difficulties lie in the low cultural and professional level of the people. Therefore the raise of cultural and professional level of the Khmer ethnics is a fundamental solution to the promotion and development of these human resources so rich in potentialities.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và nền kinh tế thị trường, hiện tại đời sống nông dân nói chung và người dân tộc thiểu số ở nông thôn, vùng núi nói riêng gặp rất nhiều khó khăn.

Nhằm từng bước tháo gỡ khó khăn, nâng cao đời sống của nông dân và các dân tộc ít người, Đảng ta chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

Đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn trong điều kiện từ một nước nông nghiệp còn lạc hậu như nước ta, bắt buộc phải chuyển đổi cơ cấu kinh tế và chuyển đổi cơ cấu lao động nông thôn.

Giải pháp hữu hiệu và bền vững đảm bảo sự thành công của việc chuyển đổi trên là nâng cao trình độ nguồn nhân lực nông thôn theo phương châm “ly nông bất ly hương”.

II. GIẢI PHÁP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ NGUỒN NHÂN LỰC NÔNG THÔN VÀ MIỀN NÚI

Việc nâng cao trình độ nguồn nhân lực của quốc gia là bài toán tổng hợp của cả hệ thống chính trị phải được thể chế hóa bằng những chủ trương, chính sách, luật pháp và cơ chế hoạt động cụ thể.

Trong phạm vi của bài báo này, chúng tôi chỉ đề cập đến một vấn đề: *người nông dân, người dân tộc thiểu số làm thế nào để có thể chủ động thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, xóa đói giảm nghèo ngay trên quê hương mình.*

Hiện nay, yêu cầu cuộc sống đang đặt ra một cách bức xúc và xuất phát từ những kỳ vọng rất lý tưởng, ngành giáo dục đào tạo đang phát động phong trào “đào tạo theo nhu cầu xã hội”. Phong trào đã được hành chính hóa thành chỉ tiêu thi đua đối với các cơ sở đào tạo.

Nhu cầu xã hội thực tế hiện nay cũng là bài toán đa lời giải đồng thời số lời giải của nó cũng chưa lượng hóa được. Từ thực tế của nhiều năm nay, chúng ta có thể hình dung sản phẩm đào tạo được phân thành ba hướng hoạt động khác nhau: một hướng được tuyển dụng đúng ngành nghề vào các công ty xí nghiệp nhà nước hoặc tư nhân; một hướng dựa vào nền học vấn đã có, tự học thêm ở thực tế để chuyển ngành (chủ yếu là dịch vụ); một hướng là các cá nhân hoặc từng nhóm phối hợp với nhau tự tạo việc làm.

Thực tế đó, nếu chỉ lấy ý kiến từ các xí nghiệp doanh nghiệp để xem xét kết quả đào tạo và kết luận về nhu cầu xã hội thì thật là khiếm khuyết.

Để khắc phục khó khăn trên, từ thực tế và kinh nghiệm của các nước đã thành công cũng như thất bại trên lĩnh vực giáo dục của thế giới chúng ta có thể kết luận: cần tạo tiềm lực và không ngừng nâng cao tiềm lực cho người lao động, để với tiềm lực đó họ sẵn sàng và có đủ điều kiện thích nghi và đáp ứng yêu cầu của xã hội luôn biến động.

Trong điều kiện ta chưa kinh qua nhiều trải nghiệm thực tế, đặc biệt là chưa có những thống kê để đúc rút thành những bài học kinh nghiệm thì tốt nhất là nghiên cứu học hỏi các nước đã đi trước một cách cầu thị.

Nước Nhật là nước hầu như không có tài nguyên, khoáng sản - là nước cũng chỉ mới ổn định phát triển từ năm 1945. Đến nay Nhật Bản là cường quốc về kinh tế và khoa học kỹ thuật. Nền giáo dục của Nhật có nhiều khác biệt với chúng ta. Từ các cấp phổ thông đến đại học, họ chú trọng giáo dục tri thức làm người, lễ sống vì cộng đồng, vì xã hội theo theo pháp luật. Đồng thời họ chú trọng đến việc trang bị cho lứa tuổi lao động những kỹ năng cơ bản về nghề nghiệp, còn khả năng đáp ứng theo nhu cầu xã hội họ lại dành cho các công ty, xí nghiệp tiếp tục đào tạo theo theo yêu cầu riêng của các công ty, xí nghiệp. Rõ ràng giáo dục đào tạo của Nhật Bản có thể coi là được chia ra hai giai đoạn: giai đoạn một là giai đoạn đào tạo tiềm năng vững và rộng; giai đoạn hai là giai đoạn đào tạo sâu theo nhu cầu thực tế (giai đoạn này thường không dài). Mô hình đào tạo này vừa tiết kiệm thời gian, vừa thích ứng cao với nhu cầu biến động của thị trường lao động.

Một mô hình khác cũng rất đáng để chúng ta phân tích nghiên cứu và học tập - đó là mô hình chuyển đổi hệ thống giáo dục nghề nghiệp của Singapore. Singapore tách khỏi Malaysia vào năm 1965 với vô vàn khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua. Trong điều kiện khó khăn như vậy, Singapore thấy được sự bắt đầu của hệ thống giáo dục nghề cùng phát triển song song thành nguồn nhân lực có kỹ năng đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa và phát triển

nền kinh tế đất nước. Ông Kay Kong Huat (chuyên gia tư vấn dự án TF – SP – DOET) tổng kết quá trình chuyển đổi hệ thống giáo dục nghề nghiệp của Singapore bằng 4 bài học sau:

Bài học 1: Trong tình hình gặp nhiều khó khăn về kinh tế, từ năm 1973 nhà nước Singapore có chính sách là học sinh năm thứ 3 và thứ 4 của bậc trung học cơ sở phải học các chương trình kỹ thuật nghề như một phần bắt buộc của chương trình phổ thông.

Bài học 2: Từ một nước là thuộc địa của Anh trước đây, Singapore bắt đầu công nghiệp hóa với sự thiếu thốn trầm trọng về truyền thống và kinh nghiệm trong sản xuất. Xu thế của người học và phụ huynh lúc bấy giờ là cần có được tấm bằng đại học để củng cố chỗ đứng trong xã hội. Xu thế bằng cấp đã tạo nên nhiều tiêu cực trong các cơ sở đào tạo cùng với những yếu kém của người học sau khi ra trường đã kéo dài hình ảnh xấu của giáo dục nghề nghiệp của Singapore (điều này tương tự với Việt Nam hiện nay). Để khắc phục rào cản đó, nhà nước Singapore đã chủ trương chiến dịch “sử dụng đôi tay” với việc tổ chức triển khai học các môn học kỹ thuật như cơ khí, mộc, vẽ kỹ thuật, điện cơ bản....được coi là những môn học cơ bản bắt buộc đối với học sinh cấp 2.

Bài học 3: Phương pháp chính của hệ thống giáo dục nghề ở Singapore là tạo ra một hệ thống các trường chính qui đào tạo kỹ năng “tiền nghề nghiệp” và kiến thức phổ thông cho học sinh trong vòng 10 năm. Nhờ vậy những năm đầu của công nghiệp hóa Singapore họ đã có sẵn lực lượng lao động được đào tạo tốt về kỹ năng nghề để phát triển và thu hút các nguồn đầu tư vào đất nước.

Bài học 4: Chuyển đổi hệ thống giáo dục nghề trở thành những cơ sở đào tạo học sinh sau khi đã hoàn thành chương trình phổ thông được tập trung thành hệ thống giáo dục kỹ thuật phân luồng trên 25% lực lượng học sinh cả nước. Phương châm giáo dục Singapore là nền giáo dục tập trung vào “đôi tay, khối óc và trái tim”.

Thông qua ví dụ về các mô hình giáo dục đào tạo đã thành công ở các nước trong khu vực cùng có xuất phát điểm tương tự như ta để giúp chúng ta có những suy nghĩ, tìm kiếm những giải pháp hợp lý cho việc cải thiện nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà.

III. KẾT HỢP ĐỒNG THỜI PHỔ CẬP VĂN HOÁ VỚI PHỔ CẬP NGHỀ NGHIỆP TRONG CÁC CẤP HỌC PHỔ THÔNG LÀ GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM NHẪM NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ NGUỒN NHÂN LỰC NÔNG THÔN VÀ NGƯỜI DÂN TỘC

Để giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ thực sự trở thành “quốc sách hàng đầu”, mấy năm nay chúng ta đang trên hành trình chấn hưng giáo dục. Nhiều việc đã và đang làm có tác dụng tích cực, phần nào giúp cho nền giáo dục nước nhà bớt đi những lo âu của xã hội. Tuy nhiên nói một cách thẳng thắn và nghiêm túc thì cũng có không ít những công việc, những giải pháp phát rầm rộ mà không động, thậm trí có người còn cho rằng đó chỉ là những biến dị, những chuyển hóa của căn bệnh thành tích trong giáo dục. Vì vậy phong trào tốn kém mà hiệu quả thấp.

Truyền thống Việt Nam đã khẳng định: lịch sử, văn hóa, nền giáo dục Việt Nam chỉ có thể chấn hưng bằng trái tim, khối óc và đôi tay của người Việt Nam.

Hiện nay chúng ta đang sống trong bối cảnh hội nhập quốc tế và nền kinh tế thị trường toàn cầu hóa thì bản sắc, truyền thống và lợi ích dân tộc phải được đề cao hơn bao giờ hết.

Chúng ta khiêm tốn học hỏi, nghiên cứu mô hình giáo dục của Nhật bản, mô hình chuyển đổi hệ thống giáo dục của Singapore, mô hình đào tạo kép của Đức, hệ thống đào tạo theo tín chỉ của châu Âu và của Mỹ nhằm mục đích tìm ra những nét hay, những điểm phù hợp để áp dụng vào thực tế cải cách giáo dục ở nước ta. Sẽ sai lầm nếu chúng ta bê nguyên một mô hình ngoại lai nào áp đặt vào điều kiện nước ta một cách thiếu cân nhắc.

Bài học của các nước lân cận có cùng xuất phát điểm tương tự như ta và kinh nghiệm thực tế qua các thời kỳ thịnh suy của đất nước đã khẳng định rằng: chất lượng của nguồn nhân lực là yếu tố quyết định cho sự thăng trầm của đất nước. Chất lượng của nguồn nhân lực có thể hiểu nôm na là trái tim, khối óc và đôi tay của các thành viên trong cộng đồng đối với nhiệm vụ phát triển đất nước.

Nhằm có được chất lượng nguồn nhân lực chúng ta đang nỗ lực cải cách giáo dục thông qua cải cách giáo dục các bậc học phổ thông và cải cách giáo dục nghề nghiệp. Hai mảng cải cách này là do hai Bộ khác nhau chỉ huy và điều hành, vì vậy nhiều bất cập và thiếu đồng bộ đã nảy sinh. Khối óc và bàn tay sẽ hoạt động nhịp nhàng và đồng bộ nếu máu được cung cấp từ một quả tim trên một cơ thể thống nhất.

Nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó có công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn là tiền đề để đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp. Để hoàn thành nhiệm vụ này không còn con đường nào khác là phải nhanh chóng nâng cao trình độ nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực nông thôn và người dân tộc nói riêng.

Giải pháp tiết kiệm nhất để nâng cao trình độ nguồn nhân lực nông thôn và người dân tộc là *kết hợp đồng thời phổ cập văn hóa với phổ cập nghề nghiệp trong các cấp học phổ thông*. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc cần khẩn trương cải cách giáo dục phổ thông theo phương châm đồng bộ trái tim, khối óc và đôi tay.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 1 năm 2010

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Báo cáo khoa học đề tài “Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo một số nghề phổ biến cho lực lượng lao động dân tộc Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long” - Mã số: B2008 – 22 – 23 TĐ.

Huat, Kay Kong: “Kinh nghiệm của Singapore trong việc chuyển đổi hệ thống giáo dục nghề nghiệp.” Kỷ yếu hội thảo khoa học “Đổi mới và phát triển giáo dục chuyên nghiệp Tp. HCM” tháng 1/2010.

Nghị định số 66/2006/ NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Phượng, Huỳnh Mỹ: “Nghiên cứu các nghề truyền thống của người Khmer khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và đề xuất phương án đào tạo và phát triển các làng nghề truyền thống cho đồng bào Khmer ở tỉnh Trà Vinh.” Luận văn Thạc sĩ tháng 10/2008.

Quyết định 132/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn ngày 24/11/2000.

Rân, Phùng: “Chất lượng nguồn nhân lực - bài toán tổng hợp cần có lời giải đồng bộ.” Kỷ yếu hội thảo khoa học về đào tạo liên thông tại Đà Nẵng, năm 2006.

Tài, Nguyễn Tấn: Nghiên cứu xây dựng mô hình liên kết đào tạo nghề giữa trường Đại học Trà Vinh với trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh. Luận văn thạc sĩ tháng 8/2009.

Thành, Nguyễn Minh: “Đổi mới phát triển giáo dục đào tạo nghề nghiệp trước hết phải đổi mới quan niệm và nhận thức”. Kỷ yếu hội thảo khoa học “Đổi mới và phát triển giáo dục chuyên nghiệp Tp. HCM” tháng 1/2010.

Thông tư của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn số 116/2006/TTBNN ngày 18/12/2006 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của nghị định 66.